TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HSST
Ngày 14-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thường Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Hoàng Liễu.

Ông Lại Hữu Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Phúc – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Hoàn Đông - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 14 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 203/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1993 tại Long An;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Long An ; Chỗ ở: Không nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị H; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án:

- Ngày 30/11/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An xử phạt 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 23/2012/HSST;

- Ngày 21/9/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 22/2015/HSST;

- Ngày 20/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 20/2016/HSST; Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/5/2017;

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 13/5/2010 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi "Trộm cắp tài sản" theo quyết định số 549/QĐ-UB-NC.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/6/2018 đến ngày 13/8/2018 được trả tự do. Đến ngày 21/8/2018 bị bắt tạm giam cho đến nay;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

* Bị hại: : Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1984 – *vắng mặt.*

Nơi cư trú: ấp 2, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1973 – *vắng mặt.*

Nơi cư trú: ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1963 – *vắng mặt.*

Nơi cư trú: ấp 2, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lê Thị Bé B, sinh năm 1986 – *vắng mặt.*

Nơi cư trú: ấp 2, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 3/12/2017, Nguyễn Trọng Đ điều khiển xe mô tô biển số 59N2-054.77 lưu thông ngang tiệm tạp hóa của ông Nguyễn Ngọc Đ tại địa chỉ B5/4C ấp 2, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện trong tiệm tạp hóa không người trông coi, phía trước bên hông trái của tiệm tạp hóa có ông Nguyễn Ngọc L đang bán đồ cho khách nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Lúc này, Nguyễn Trọng Đ ngừng xe trước tiệm tạp hóa (xe vẫn nổ máy) rồi đi bộ vào trong, đến chổ tủ kính bên trái cửa tiệm (hướng từ ngoài nhìn vào) rồi dùng tay phải mở cửa tủ kính nhỏ (nằm trên tủ kính lớn) lấy 02 xấp thẻ cào điện thoại nhà mạng Mobifone trong hộp nhựa. Ông L thấy Đ liền hỏi: "Mua cái gì?; Đ trả lời: "Mua lưỡi câu"; Ông L nói: "ở đây không có bán lưỡi câu"; Đ bỏ đi ra ngoài và định leo lên xe mô tô bỏ chạy thì bị ông L giữ lại, Đ hoảng sợ nên làm rớt 01 xấp thẻ cào điện thoại xuống mặt đường. Ông L thấy và nhặt xấp thẻ cào lên, đồng thời kêu con dâu là Lê Thị Bé B kiểm tra lại tài sản thì phát hiện bị mất hai xấp thẻ cào điện thoại (17 thẻ) loại 50.000 đồng. Bà B liền hỏi Đ: "Có lấy trộm thẻ cào không?"; Đ trả lời: "Không có"; ông L tiếp tục truy hỏi một lúc thì Đ thừa nhận và buông xấp thẻ cào còn lại từ tay phải rớt xuống mặt đường, ông L nhặt lên và cùng người thân đưa Đ, tang vật (02 xấp thẻ cào – 17 thẻ của nhà mạng Mobifone mệnh giá 50.000đ/ thẻ) đến

Công an xã Tân Kiên trình báo; Do Nguyễn Trọng Đ có nhiều tiền án về tội trộm cắp tài sản nên Công an xã Tân Kiên lập hồ sơ ban đầu rồi chuyển đến Công an huyện Bình Chánh xử lý.

Tại Kết luận định giá tài sản số 2320/HĐĐG-TTHS-TCKH ngày 23/11/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Bình Chánh kết luận 17 thẻ cào điện thoại Mobifone (mệnh giá 50.000đ/thẻ) trị giá 850.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị can Đ có biểu hiện tâm thần nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định tình trạng tâm thần của Nguyễn Trọng Đ, đồng thời ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Đ. Tại kết luận giám định pháp y tâm thần số 3226/KLGĐ ngày 17/8/2018 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực TP.Hồ Chí Minh – Bộ y tế, đối với Nguyễn Trọng Đ kết luận:

"- Về y học: Không ghi nhận các bất thường về mặt sức khỏe tâm thần.

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội cho đến hiện tại Nguyễn Trọng Đ đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi".

Ngày 21/8/2018, Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án, phục hồi điều tra bị can đối với Nguyễn Trọng Đ. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, Nguyễn Trọng Đ đã khai nhận hành vi như trên.

Về vật chứng vụ án:

1/ 17 thẻ cào điện thoại Mobifone (mệnh giá 50.000đ/thẻ), Cơ quan điều tra giao trả lại cho bị hại Nguyễn Ngọc Đ.

2/ 01 xe mô tô biển số 59N2-054.77 số khung: Y031501, số máy: E2831513 qua xác minh cho thấy xe mô tô này do bà Lê Thị Ngọc T đứng tên chủ sở hữu. Bà T khai xe này bà Tuyết mua vào năm 2011, đến tháng 8/2017 bà T đã bán xe này cho một của hàng mua bán xe (bà không nhớ rõ địa chỉ) nhưng chưa sang tên, bà T không có yêu cầu gì đối với chiếc xe trên. Bị cáo Đ khai chiếc xe trên bị cáo mua lại của người khác để làm phương tiện đi lại và sử dụng để đi trộm cắp tài sản.

3/ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7, màu vàng; 01 áo sơ mi dài tay màu đỏ nâu và 01 quần thun ngắn màu đen thu giữ của bị cáo Đ.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Ngọc Đ sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt thì không có yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Trọng Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng Đ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ghi nhận bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Bị cáo Nguyễn Trọng Đ khai nhận hành vi như trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét thấy lời khai nhận tội tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng của vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận vào ngày 03/12/2017 bị cáo Đ đã thực hiện hành vi trộm cắp 17 thẻ cào điện thoại Mobifone trị giá 850.000 đồng của ông Nguyễn Ngọc Đ tại địa chỉ B5/4C ấp 2, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vì tham lam, vụ lợi, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Tuy tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 850.000 đồng nhưng bị cáo đã có tiền án về tội "Trộm cắp tài sản"; cụ thể: Ngày 30/11/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An xử phạt 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 23/2012/HSST; ngày 21/9/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 22/2015/HSST; ngày 20/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 20/2016/HSST; Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/5/2017; tính đến lần vi phạm này bị cáo chưa được xóa án tính mà lại tiếp tục thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" của người khác.

[3] Như vậy, hành vi trộm cắp tài sản nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[4] Xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu, có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản nhưng bị cáo vẫn không biết ăn năn hối cải mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một khoản thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đối với các tiền án trên đã được sử dụng làm tình tiết định tội đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm

hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[5] Tuy nhiên, xét thấy tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt có giá trị không lớn và đã được thu hồi giao trả cho bị hại; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về vật chứng vụ án là 17 thẻ cào điện thoại Mobifone (mệnh giá 50.000đ/thẻ), Cơ quan điều tra đã giao trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với 01 xe mô tô biển số 59N2-054.77 số khung: Y031501, số máy: E2831513 qua xác minh cho thấy xe mô tô này do bà Lê Thị Ngọc T đứng tên chủ sở hữu. Bà T khai xe này bà Tuyết mua vào năm 2011, đến tháng 8/2017 bà T đã bán xe này cho một của hàng mua bán xe (bà không nhớ rõ địa chỉ) nhưng chưa sang tên, bà T không có yêu cầu gì đối với chiếc xe trên. Bị cáo Đ khai chiếc trên bị cáo mua lại của người khác để làm phương tiện đi lại và sử dụng để đi trộm cắp tài sản nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 màu vàng; 01 áo sơ mi dài tay màu đỏ nâu và 01 quần thun ngắn màu đen thu giữ của bị cáo Đ. Xét thấy đây là tài sản riêng của bị cáo không phải vật chứng của vụ án nên giao trả lại ngay cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tội danh, hình phạt đối với bị cáo cũng như giải quyết phần dân sự và xử lý vật chứng vụ án. Hội đồng xét xử cũng chấp nhận đề nghị của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[10] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng Đ 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/8/2018 nhưng được trừ vào thời hạn bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/6/2018 đến ngày 13/8/2018.

Ghi nhận bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô biển số 59N2-054.77, số khung: Y031501, số máy: E2831513.

Trả lại ngay cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 màu vàng; 01 (một) áo sơ mi dài tay màu đỏ nâu và 01 (một) quần thun ngắn màu đen.

(vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/11/2018 giữa Công an huyện Bình Chánh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh)

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh;
- Công an huyện Bình Chánh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh;
- PC 53- Công an TPHCM;
- Sở tư pháp TPHCM;
- Bị cáo;
- Bị hại; Đương sự;
- Lưu hs;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thường Đông